

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vân Canh, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vân Canh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 146/TTr-NV ngày 07 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vân Canh (sau đây gọi tắt là Bộ Chỉ số cải cách hành chính) với các nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: quy định tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính hằng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

b) Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vân Canh (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương).

2. Nội dung Bộ Chỉ số cải cách hành chính

a) Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện

- Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 42 tiêu chí, 14 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 8 tiêu chí;
- + Tham mưu xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 8 tiêu chí;
- + Cải cách tổ chức bộ máy: 4 tiêu chí;
- + Cải cách chế độ công vụ: 9 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí;
- + Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử: 5 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- + Đánh giá tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức: 2 tiêu chí.

- Thang điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó: điểm đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính là 60 điểm, điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học là 40 điểm.

- Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện được nêu chi tiết tại Phụ lục I (kèm theo Quyết định này).

b) Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 46 tiêu chí, 15 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 7 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 5 tiêu chí;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 6 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy: 5 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách chế độ công vụ: 10 tiêu chí;
- + Cải cách tài chính công: 5 tiêu chí;

+ Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử: 6 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;

+ Đánh giá tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức: 2 tiêu chí.

- Thang điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó: điểm đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính là 60 điểm, điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học là 40 điểm.

- Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được nêu chi tiết tại Phụ lục II (*kèm theo Quyết định này*).

3. Phương pháp đánh giá

a) Tự đánh giá

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện.

- Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương được Hội đồng thẩm định chỉ số cải cách hành chính huyện thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

b) Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

- Việc đánh giá thông qua điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau và thực hiện theo kế hoạch do Ủy ban nhân dân huyện ban hành hằng năm.

- Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Bộ Chỉ số cải cách hành chính.

4. Xác định chỉ số cải cách hành chính

a) Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm), chỉ số cải cách hành chính được làm tròn tới chữ số thập phân thứ hai; chỉ số cải cách hành chính theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

b) Đối với các cơ quan đặc thù không thực hiện đánh giá một số tiêu chí thì chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) như sau:

$$\frac{\text{Tổng điểm đạt được đối với các tiêu chí thực hiện đánh giá}}{\text{Tổng điểm tối đa đối với các tiêu chí thực hiện đánh giá}}$$

5. Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính và phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính

a) Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp theo khối:

- Khối các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;
- Khối Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

b) Phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm

Căn cứ thang điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính để phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 85% đến 100%;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 70% đến dưới 85%;
- Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 55% đến dưới 70%;
- Không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 55%.

6. Thời gian thực hiện

- Trước ngày 30 tháng 11 của năm đánh giá, các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình và gửi kết quả về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Nội vụ). Đồng thời, Phòng Nội vụ phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện điều tra xã hội học phục vụ công tác chấm điểm chỉ số cải cách hành chính.

- Trước ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị được phân công tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kết quả chỉ số cải cách hành chính.

7. Tổ chức thực hiện

a) Phòng Nội vụ

- Chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện tự đánh giá kết quả sau khi Kế hoạch được ban hành.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định kết quả đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố, tuyên truyền về chỉ số cải cách hành chính trong Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung chỉ số cải cách hành chính để đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình và yêu cầu công tác cải cách hành chính của huyện.

b) Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin: phối hợp với Phòng Nội vụ theo dõi, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính đối với các lĩnh vực được phân công phụ trách.

c) Phòng Tài chính – Kế hoạch: phối hợp với Phòng Nội vụ lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính hằng năm.

d) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính. Chịu trách nhiệm về các hồ sơ, tài liệu, kết quả tự đánh giá và nội dung kiến nghị, giải trình (nếu có).

- Phối hợp với Phòng Nội vụ và các cơ quan liên quan trong việc điều tra xã hội học để xác định chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Căn cứ chỉ số cải cách hành chính được công bố để xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

8. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính được thực hiện từ nguồn kinh phí cải cách hành chính hằng năm.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và quy định việc đánh giá, chấm điểm, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính Ủy ban

nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Trung tâm VHNTTT huyện;
- Lưu: VT, NV (c).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Việt

Phụ lục I
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của UBND huyện Vân Canh)

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC	60		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10		
1.1	Ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC hằng năm, kế hoạch nhiệm vụ công tác năm của cơ quan	2		
	- Ban hành đầy đủ kế hoạch nhiệm vụ công tác năm và các kế hoạch về cải cách hành chính hằng năm đảm bảo đầy đủ nội dung, đúng thời gian theo quy định	2		
	- Không xác định đầy đủ nội dung hoặc ban hành trễ so với thời gian quy định	1		
	- Không ban hành	0		
1.2	Phân công nhiệm vụ CBCCVC thực hiện kế hoạch	1		
	- Có phân công tổ chức thực hiện cụ thể	1		
	- Không phân công tổ chức thực hiện	0		
1.3	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	1		
	- Hoàn thành 100% nội dung kế hoạch đã đề ra	1		
	- Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$			
	- Hoàn thành dưới 70% nội dung kế hoạch đã đề ra	0		
1.4	Công tác tuyên truyền, phổ biến tại cơ quan về các nội dung CCHC	1		
	- Triển khai tuyên truyền, phổ biến về CCHC tại cơ quan	0,5		
	- Có tin, bài CCHC đăng trên Cổng thông tin điện tử UBND huyện	0,5		
	- Không triển khai tuyên truyền, phổ biến về CCHC tại cơ quan và không có tin, bài CCHC đăng trên Cổng thông tin điện tử UBND huyện	0		
1.5	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về CCHC (Báo cáo CCHC, Báo cáo kiểm soát TTHC)	2		
	- Thực hiện đầy đủ các báo cáo, đảm bảo nội dung, đúng thời gian theo yêu cầu	2		
	- Thực hiện đầy đủ các báo cáo nhưng có báo cáo không đảm	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>bảo nội dung hoặc không đúng thời gian theo yêu cầu</i>			
	<i>- Thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo</i>	0		
1.6	Tham mưu UBND huyện trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC	1		
	<i>- Tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ CCHC (quyết định, chương trình, kế hoạch, công văn chỉ đạo ...) thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham mưu của cơ quan đầy đủ, kịp thời</i>	1		
	<i>- Có thực hiện đầy đủ nhưng còn chậm trễ</i>	0,5		
	<i>- Thực hiện không đầy đủ</i>	0		
1.7	Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện	1		
	<i>- Tham mưu, phối hợp thực hiện đầy đủ, kịp thời các ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện tại các Thông báo kết luận</i>	1		
	<i>- Có thực hiện đầy đủ nhưng còn chậm trễ</i>	0,5		
	<i>- Thực hiện không đầy đủ</i>	0		
1.8	Có sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC được áp dụng có hiệu quả	1		
2	THAM MƯU XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	4		
2.1	Tham mưu UBND huyện xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công	1		
	<i>- 100% VBQPPL ban hành đảm bảo trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định</i>	1		
	<i>- Dưới 100% VBQPPL ban hành đảm bảo trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định</i>	0		
2.2	Tham gia xây dựng VBQPPL	2		
	<i>- Tham gia ý kiến đầy đủ, đúng thời hạn đối với các dự thảo VBQPPL được gửi lấy ý kiến</i>	2		
	<i>- Có tham gia ý kiến đối với các dự thảo VBQPPL được gửi lấy ý kiến nhưng không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn</i>	1		
	<i>- Không tham gia đầy đủ hoặc tham gia không đúng thời hạn các dự thảo VBQPPL được gửi lấy ý kiến</i>	0		
2.3	Thực hiện chế độ báo cáo về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL theo đúng quy định	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	- Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, đúng thời gian	1		
	- Có thực hiện chế độ báo cáo nhưng không đầy đủ hoặc không đúng thời gian	0,5		
	- Không thực hiện chế độ báo cáo	0		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (đối với cơ quan có thủ tục hành chính)	12		
3.1	Công tác rà soát thủ tục hành chính (TTHC)	1		
	- Có báo cáo rà soát, đánh giá đúng quy định	0,5		
	- Có trình phương án đơn giản hóa đối với 100% TTHC đã được phê duyệt đúng quy định	0,5		
3.2	Thực hiện cập nhật, bổ sung và công khai các TTHC, quy trình nội bộ giải quyết TTHC sau khi có Quyết định công bố của UBND tỉnh	1		
	- Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện cập nhật, bổ sung và công khai đầy đủ, kịp thời	1		
	- Cập nhật, bổ sung và công khai nhưng không đầy đủ hoặc không kịp thời	0		
3.3	Phân công công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	1		
	- Phân công công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thường xuyên theo Quyết định thành lập, kiện toàn của UBND huyện	1		
	- Thực hiện không đúng quy định	0		
3.4	Giải quyết hồ sơ TTHC qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2		
	- 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	2		
	- Có tình trạng tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ ngoài Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	0		
3.5	Cập nhật hồ sơ TTHC vào Hệ thống Một cửa điện tử	1		
	- 100% hồ sơ TTHC được cập nhật vào Hệ thống một cửa điện tử	1		
	- Dưới 100% hồ sơ TTHC được cập nhật vào Hệ thống một cửa điện tử	0		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
3.6	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1		
	- Không có phản ánh, kiến nghị; 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	1		
	- Từ 90% đến dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	0,5		
	- Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	0		
3.7	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính	4		
	- 100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn	4		
	- Từ 95% đến dưới 100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 4.00}{100\%} \right]$			
	- Dưới 95% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn	0		
3.8	Thực hiện quy định về xin lỗi trong giải quyết TTHC	1		
	- 100% số hồ sơ TTHC trễ hạn được xin lỗi	1		
	- Dưới 100% số hồ sơ TTHC trễ hạn được xin lỗi thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ phải xin lỗi} \times 1.00}{100\%} \right]$			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	6		
4.1	Thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế	1		
	- Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định	1		
	- Chưa thực hiện đầy đủ hoặc chưa kịp thời	0		
4.2	Quy chế làm việc hoặc quy chế tổ chức hoạt động của cơ quan theo quy định hiện hành	2		
	- Có ban hành và thường xuyên rà soát để điều chỉnh, sửa đổi quy chế làm việc phù hợp với quy định và điều kiện thực tế tại cơ quan	2		
	- Có ban hành nhưng chưa kịp thời điều chỉnh, sửa đổi quy chế làm việc cho phù hợp với quy định và điều kiện thực tế tại cơ quan	1		
	- Không ban hành	0		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
4.3	<i>Phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan</i>	1		
	<i>- Có văn bản phân công nhiệm vụ đảm bảo rõ ràng, cụ thể, hiệu quả, không chồng chéo</i>	1		
	<i>- Có phân công nhiệm vụ nhưng còn chồng chéo, không rõ ràng, cụ thể ảnh hưởng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ</i>	0,5		
	<i>- Không thực hiện phân công nhiệm vụ</i>	0		
4.4	<i>Thực hiện quy định về phân cấp quản lý theo quy định</i>	2		
	<i>- Tham mưu UBND huyện thực hiện đúng, đầy đủ các các nhiệm vụ đã được cấp trên phân cấp, ủy quyền</i>	0,5		
	<i>- Tham mưu UBND huyện thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp xã</i>	1		
	<i>- Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền</i>	0,5		
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	12		
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>	2		
5.1.1	<i>Kịp thời rà soát báo cáo UBND huyện trình UBND tỉnh điều chỉnh Đề án vị trí việc làm công chức theo hướng dẫn của cấp trên</i>	1		
5.1.2	<i>Công chức được bố trí công tác đúng vị trí việc làm được phê duyệt</i>	1		
	<i>- 100% công chức trong cơ quan được bố trí theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	1		
	<i>- Dưới 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt</i>	0		
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, nâng ngạch công chức</i>	1		
	<i>- Thực hiện việc rà soát, đề nghị tuyển dụng và nâng ngạch công chức đảm bảo theo quy định</i>	1		
	<i>- Thực hiện không kịp thời</i>	0		
5.3	<i>Đánh giá, phân loại CBCCV, xét thi đua, khen thưởng</i>	2		
5.3.1	<i>Thực hiện đánh giá, phân loại và xét khen thưởng CBCCV theo quy định Quy chế/Tiêu chí đánh giá</i>	0,5		
5.3.2	<i>Gửi kết quả đánh giá, hồ sơ đề nghị khen thưởng về UBND</i>	0,5		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>huyện đúng thời gian quy định và đảm bảo đầy đủ hồ sơ</i>			
5.3.3	<i>Tỷ lệ CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>	1		
	<i>- 100% CBCCVC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	1		
	<i>- Từ 80% đến dưới 100% CBCCVC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.</i>	0,5		
	<i>- Dưới 80% CBCCVC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.</i>	0		
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại	1		
	<i>Đề nghị UBND huyện thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng theo quy định</i>	1		
	<i>Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại không đúng theo quy định</i>	0		
5.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	1		
5.5.1	<i>Đăng ký đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo Kế hoạch hàng năm</i>	0,5		
	<i>- Gửi văn bản đăng ký đào tạo, bồi dưỡng kịp thời</i>	0,5		
	<i>- Không đăng ký đào tạo, bồi dưỡng theo quy định</i>	0		
5.5.2	<i>Cử CBCCVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch</i>	0,5		
	<i>- Thực hiện đầy đủ theo Kế hoạch</i>	0,5		
	<i>- Thực hiện chưa đầy đủ theo Kế hoạch</i>	0		
5.6	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác CCVC theo quy định	1		
	<i>- Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác CCVC theo kế hoạch của UBND huyện</i>	1		
	<i>- Không thực hiện kịp thời</i>	0		
5.7	Thực hiện văn hóa công vụ	1		
	<i>- Trong năm không có CBCCVC vi phạm văn hóa công vụ</i>	1		
	<i>- Trong năm có CBCCVC bị phát hiện vi phạm văn hóa công vụ</i>	0		
5.8	Thực hiện việc kê khai tài sản cán bộ công chức, viên chức theo quy định	1		
	<i>- Thực hiện kê khai đầy đủ theo quy định, gửi báo cáo đúng</i>	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>thời hạn</i>			
	<i>- Thực hiện chưa đầy đủ theo quy định hoặc báo cáo không đảm bảo thời gian</i>	0		
5.9	Thực hiện đúng quy định về các chế độ chính sách đối với công chức, viên chức	2		
	<i>- Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời</i>	2		
	<i>- Thực hiện chưa đầy đủ để xảy ra khiếu nại, kiến nghị liên quan đến việc thực hiện</i>	0		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4		
6.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	2		
	<i>- Thực hiện xây dựng báo cáo và gửi đúng thời hạn</i>	2		
	<i>- Thực hiện xây dựng báo cáo và gửi sau thời hạn</i>	1		
6.2	Sử dụng đầy đủ các phần mềm phục vụ cho công tác quản lý tài chính, ngân sách	1		
6.3	Tổ chức thực hiện các khuyến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền	1		
	<i>- Đã thực hiện 100% kiến nghị</i>	1		
	<i>- Có thực hiện nhưng chưa đầy đủ 100% kiến nghị</i>	0,5		
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ	12		
7.1	Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện	2		
	<i>- Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện đăng tải tin, bài trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện</i>	2		
	<i>- Có thực hiện nhưng số lượng tin, bài không đảm bảo</i>	1		
	<i>- Không thực hiện</i>	0		
7.2	Ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử	3		
7.2.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử	1,5		
	<i>- Từ 95% trở lên</i>	1,5		
	<i>- Từ 90% đến dưới 95%</i>	1		
	<i>- Dưới 90%</i>	0		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được lập xử lý dưới dạng điện tử	1,5		
	- Từ 40% trở lên hồ sơ công việc được lập	1,5		
	- Dưới 40% công việc được lập hồ sơ công việc thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.5}{40\%} \right]$			
7.3	Văn bản đi dưới dạng điện tử có ký số	2		
	- Từ 95% trở lên	2		
	- Từ 90% đến dưới 95%	1		
	- Dưới 90%	0		
7.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (đối với cơ quan có thủ tục hành chính)	3		
7.4.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có đủ điều kiện được cung cấp trên cổng Dịch vụ công của tỉnh	1		
	- Đạt 100% tổng số TTHC	1		
	- Từ 50% đến dưới 100% tổng số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, mức độ 4} \times 1.00}{100\%} \right]$			
	- Dưới 50% tổng số TTHC	0		
7.4.2	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	1		
	- Từ 50% số TTHC trở lên	1		
	- Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC} \times 1.00}{50\%} \right]$			
7.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	1		
	- Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên	1		
	- Dưới 20% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ TTHC} \times 1.00}{20\%} \right]$			
7.5	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	2		
7.5.1	Thực hiện đúng quy định hiện hành	1		
	- Thực hiện đầy đủ theo Kế hoạch của UBND huyện	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	- Thực hiện chưa đầy đủ	0		
7.5.2	Duy trì, thực hiện, cải tiến các quy trình theo đúng quy định	1		
	- Thực hiện đầy đủ theo Kế hoạch của UBND huyện	1		
	- Thực hiện chưa đầy đủ	0		
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC	40		
1	Kết quả điều tra xã hội học, đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	30		
2	Kết quả đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý và đại biểu HĐND huyện	10		
	ĐIỂM TỔNG CỘNG (I + II)	100		

Phụ lục II
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, THỊ TRẤN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của UBND huyện Vân Canh)

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC	60		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH	10		
1.1	Kế hoạch về công tác CCHC hàng năm (bao gồm: Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền CCHC)	2		
	- Ban hành đầy đủ các kế hoạch về cải cách hành chính hàng năm và đảm bảo đầy đủ nội dung, đúng thời gian theo quy định	2		
	- Có ban hành đầy đủ nhưng không bảo đảm thời gian quy định	1		
	- Ban hành không đầy đủ	0		
1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	1		
	- Hoàn thành 100% kế hoạch	1		
	- Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1,00}{100\%} \right]$			
	- Hoàn thành dưới 90% kế hoạch	0		
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	1		
	- Tuyên truyền nội dung CCHC của địa phương qua hệ thống đài phát thanh	0,5		
	- Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác (Hội nghị, cuộc thi, tuyên truyền miệng, ...)	0,5		
1.4	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về CCHC (Báo cáo CCHC, Báo cáo kiểm soát TTHC)	2		
	- Thực hiện đầy đủ các báo cáo, đảm bảo nội dung, đúng thời gian theo yêu cầu	2		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	- Thực hiện đầy đủ các báo cáo nhưng có báo cáo không đảm bảo nội dung hoặc không đúng thời gian theo yêu cầu	1		
	- Thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo	0		
1.5	Có sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC được áp dụng có hiệu quả	1		
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	1		
	- Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao đầy đủ, đúng thời hạn	1		
	-Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao đầy đủ nhưng có nhiệm vụ trễ hạn	0,5		
	-Thực hiện không đầy đủ	0		
1.7	Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC	2		
1.7.1	Đánh giá xác định Chỉ số CCHC của UBND xã	1		
	- Tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC hằng năm của UBND xã và báo cáo UBND huyện đúng thời hạn, đầy đủ hồ sơ	1		
	- Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá trễ hạn hoặc không đầy đủ hồ sơ	0		
1.7.2	Người đứng đầu tham dự đầy đủ các hội nghị về công tác CCHC của huyện	0,5		
1.7.3	Tổ chức gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa phương và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	0,5		
2	XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	5		
2.1	Công tác ban hành VBQPPL	1		
	- 100% VBQPPL ban hành đảm bảo thẩm quyền, trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định	1		
	- Dưới 100% VBQPPL ban hành đảm bảo thẩm quyền, trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định	0		
2.2	Tham gia xây dựng VBQPPL	1		
	- Tham gia ý kiến đầy đủ, đúng thời hạn đối với các dự thảo VBQPPL được gửi lấy ý kiến	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	- Không tham gia đầy đủ hoặc tham gia không đúng thời hạn các dự thảo VBQPPL được gửi lấy ý kiến	0		
2.3	Thực hiện báo cáo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do địa phương ban hành theo đúng quy định	1		
	- Thực hiện chế độ báo cáo đúng hạn, đầy đủ nội dung	1		
	- Báo cáo trễ hạn hoặc không đầy đủ nội dung	0		
2.4	Xử lý văn bản sau rà soát, kiểm tra theo yêu cầu	1		
	- Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý	1		
	- Tất cả số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành	0,5		
	- Có văn bản chưa được xử lý	0		
2.5	Theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1		
	- Ban hành Kế hoạch và báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật đúng thời gian quy định	0,5		
	- Có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	11		
3.1	Công tác rà soát thủ tục hành chính (TTHC)	1		
	- Có đăng ký rà soát, đánh giá đúng quy định	0,5		
	- Trình phương án đơn giản hóa đối với 100% TTHC đã được phê duyệt đúng quy định	0,5		
3.2	Cập nhật và công khai TTHC, danh mục TTHC, số điện thoại đường dây nóng tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	2		
	- Cập nhật và công khai đầy đủ, kịp thời theo quy định	2		
	- Đầy đủ nhưng không kịp thời theo quy định	1		
	- Thực hiện không đầy đủ	0		
3.3	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1		
	- Không có phản ánh, kiến nghị; 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thảm định
	- Từ 90% đến dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	0,5		
	- Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	0		
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3		
3.4.1	Ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả/Quy chế phối hợp giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	0,5		
3.4.2	Cập nhật hồ sơ TTHC vào Hệ thống Một cửa điện tử	1		
	- 100% hồ sơ TTHC được cập nhật vào Hệ thống một cửa điện tử	1		
	- Dưới 100% hồ sơ TTHC được cập nhật vào Hệ thống một cửa điện tử	0		
3.4.3	Bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	0,5		
	- Đảm bảo số lượng	1		
	- Đảm bảo chất lượng phục vụ (có trường hợp gây phiền hà thì 0 điểm)	0		
3.4.4	Bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ và trang bị đồng phục cho công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	1		
	- Có thực hiện	1		
	- Không thực hiện	0		
3.5	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	3		
	- 100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn	3		
	- Từ 95% đến dưới 100% hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 3,00}{100\%} \right]$			
	- Dưới 95% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn	0		
3.6	Thực hiện quy định về xin lỗi trong giải quyết TTHC	1		
	- 100% số hồ sơ TTHC trễ hạn được xin lỗi	1		
	- Dưới 100% số hồ sơ TTHC trễ hạn được xin lỗi thì điểm đánh giá được tính theo công thức:			

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thảm định
	$\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ phải xin lỗi} \times 1.00}{100\%} \right]$			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	6		
4.1	Thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế	1		
	- Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định	1		
	- Chưa thực hiện đầy đủ hoặc chưa kịp thời	0		
4.2	Quy chế làm việc của UBND cấp xã	1		
	- Thường xuyên rà soát, sửa đổi xây dựng quy chế làm việc phù hợp với quy định và điều kiện thực tế tại đơn vị	1		
	- Chưa kịp thời điều chỉnh, sửa đổi quy chế làm việc kịp thời	0		
4.3	Thực hiện chế độ báo cáo số lượng chất lượng CBCC và người hoạt động không chuyên trách đúng quy định	1		
	- Thực hiện đúng quy định chế độ báo cáo số lượng chất lượng CBCC và người hoạt động không chuyên trách đúng quy định	1		
	- Thực hiện không đúng quy định	0		
4.4	Xây dựng quy chế về mối quan hệ công tác giữa UBND cấp xã với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp	1		
	- Có đầy đủ	1		
	- Có nhưng chưa đầy đủ	0,5		
	- Không có	0		
4.5	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý theo quy định	2		
4.5.1	Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý do cấp trên ban hành	0,5		
4.5.2	Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền cho UBND cấp xã	0,5		
	- Có báo cáo	0,5		
	- Không có báo cáo	0		
4.5.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua công tác kiểm tra của cấp trên đối với các nội dung đã phân	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>cấp hoặc ủy quyền</i>			
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	11		
5.1	Tuyển dụng công chức cấp xã	1		
	- Thực hiện việc rà soát, đề nghị tuyển dụng công chức cấp xã đảm bảo theo quy định	1		
	- Không thực hiện kịp thời	0		
5.2	Đánh giá, phân loại, xét khen thưởng CBCC cấp xã	1		
	- Có ban hành Quy chế/Tiêu chí đánh giá, quy chế thi đua khen thưởng và thực hiện đánh giá, phân loại, bình xét đúng quy định	0,5		
	- Gửi kết quả đánh giá và hồ sơ đề nghị khen thưởng về UBND huyện đúng thời gian quy định, bảo đảm đầy đủ hồ sơ	0,5		
5.3	Tỷ lệ CBCC cấp xã hoàn thành tốt nhiệm vụ	1		
	- 100% CBCC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ	1		
	- Từ 80% đến dưới 100% CBCC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và không có CBCC bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên	0,5		
	- Dưới 80% CBCCVC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ	0		
5.4	Thực hiện quy định về bầu, bổ nhiệm CBCC cấp xã	1		
	- Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm CBCC cấp xã	1		
	- Thực hiện không đúng quy định	0		
5.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã	1		
	- Thực hiện đăng ký và cử CBCC tham gia đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	1		
	- Thực hiện không đảm bảo theo kế hoạch	0		
5.6	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác công chức cấp xã	1		
	- Có thực hiện chuyển đổi vị trí công tác công chức cấp xã	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>theo kế hoạch của UBND huyện</i>			
	<i>- Không thực hiện kịp thời</i>	0		
5.7	Thực hiện văn hóa công vụ	1		
	<i>- Trong năm không có cán bộ, công chức vi phạm văn hóa công vụ</i>	1		
	<i>- Trong năm có cán bộ, công chức vi phạm đạo đức công vụ</i>	0		
5.8	Thực hiện việc kê khai tài sản cán bộ, công chức theo quy định	1		
	<i>- Thực hiện kê khai đầy đủ theo quy định, gửi báo cáo đúng thời hạn</i>	1		
	<i>- Thực hiện chưa đầy đủ theo quy định hoặc báo cáo không đảm bảo thời gian</i>	0		
5.9	Chất lượng cán bộ, công chức cấp xã	2		
	<i>- 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn</i>	1		
	<i>- 100% công chức cấp xã đạt chuẩn</i>	1		
5.10	Thực hiện đúng quy định về các chế độ chính sách đối với CBCC	1		
	<i>- Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời</i>	1		
	<i>- Thực hiện chưa đầy đủ để xảy ra khiếu nại, kiến nghị liên quan đến việc thực hiện</i>	0		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	5		
6.1	Thực hiện công khai tài chính đầy đủ theo quy định	1		
6.2	Thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí tại UBND cấp xã theo quy định của pháp luật	1		
6.3	Tổ chức thực hiện các khuyến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền	1		
	<i>- Đã thực hiện 100% kiến nghị</i>	1		
	<i>- Thực hiện từ 90% đến dưới 100% kiến nghị</i>	0,5		
6.4	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	1		
	<i>- Thực hiện xây dựng báo cáo và gửi đúng thời hạn</i>	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	- Thực hiện xây dựng báo cáo và gửi sau thời hạn	0,5		
6.5	Sử dụng đầy đủ các phần mềm phục vụ cho công tác quản lý tài chính, ngân sách	1		
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ	12		
7.1	Ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử	2		
7.1.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử	1		
	- Từ 95% trở lên	1		
	- Từ 90% đến dưới 95%	0,5		
	- Dưới 90%	0		
7.1.2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được lập xử lý dưới dạng điện tử	1		
	- Từ 30% trở lên hồ sơ công việc được lập	1		
	- Dưới 30% công việc được lập hồ sơ công việc thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{30\%} \right]$			
7.2	Văn bản đi dưới dạng điện tử có ký số	2		
	- Từ 95% trở lên	2		
	- Từ 90% đến dưới 95%	1		
	- Dưới 90%	0		
7.3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	3		
7.3.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có đủ điều kiện được cung cấp trên cổng Dịch vụ công của tỉnh	1		
	- Đạt 100% tổng số TTHC	1		
	- Từ 50% đến dưới 100% tổng số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, mức độ 4} \times 1.00}{100\%} \right]$			
	- Dưới 50% tổng số TTHC	0		
7.3.2	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	1		
	- Từ 50% số TTHC trở lên	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thảm định
	- Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC} \times 1.00}{50\%} \right]$			
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	1		
	- Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên	1		
	- Dưới 20% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ TTHC} \times 1.00}{20\%} \right]$			
7.4	Thực hiện cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2		
	- Có triển khai thực hiện và có phát sinh hồ sơ	2		
	- Triển khai thực hiện nhưng không phát sinh hồ sơ	1		
	- Không thực hiện	0		
7.5	Có giải pháp khuyến khích người dân, tổ chức thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	1		
7.6	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001	2		
	- Xây dựng và công bố 100% TTHC phù hợp theo TCVN ISO 9001	1		
	- Thực hiện duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo theo quy định	1		
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC	40		
1	Kết quả điều tra xã hội học, đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	30		
2	Kết quả đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý và đại biểu HĐND huyện	10		
	ĐIỂM TỔNG CỘNG (I + II)	100		